

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ I NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
QUÍ I NĂM 2016**

Đơn vị tính: VND

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
TP. HỒ CHÍ MINH

Số: 160.15
Ngày: 29/4/16
Chuyển: NTK

ĐẾN

A - TÀI SẢN NGẮN HẠN

Lưu hồ sơ số:

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	100		3,201,448,941,100	2,847,043,514,890
1. Tiền	110	V.1	568,649,378,060	296,092,552,290
2. Các khoản tương đương tiền	111		568,649,378,060	296,092,552,290
112			-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		251,008,141	251,008,141
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	251,008,141	251,008,141
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,324,572,988,655	1,187,504,442,185
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1,075,731,381,132	978,387,095,828
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	199,704,802,907	159,150,345,667
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	51,282,512,742	52,112,708,816
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(2,145,708,126)	(2,145,708,126)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		1,254,989,418,608	1,299,754,002,665
1. Hàng tồn kho	141	V.8	1,304,623,542,327	1,363,740,839,384
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(49,634,123,719)	(63,986,836,719)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		52,986,147,636	63,441,509,609
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	5,980,888,083	4,441,250,870
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		46,422,194,835	58,034,411,228
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	429,705,718	965,847,511
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		153,359,000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ I NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1,621,867,991,768	1,509,919,445,197
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3,547,328,472	3,512,575,108
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5	2,379,866,847	2,309,113,483
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	1,167,461,625	1,203,461,625
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1,118,747,659,276	1,067,275,384,111
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	948,188,693,305	942,551,326,564
- Nguyên giá	222		1,635,500,163,697	1,606,171,767,565
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(687,311,472,392)	(663,620,441,001)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	170,558,965,971	124,724,057,547
- Nguyên giá	228		183,227,718,381	136,781,493,381
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(12,668,752,410)	(12,057,435,834)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		273,897,082,572	245,627,838,605
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	273,897,082,572	245,627,838,605
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		46,109,469,978	12,644,137,246
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	46,109,469,978	19,547,729,978
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	-	(6,903,592,732)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		179,566,451,470	180,859,510,127
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	100,762,047,148	99,291,291,228
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	73,342,468	475,225,190
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.14	78,731,061,854	81,092,993,709
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4,823,316,932,868	4,356,962,960,087

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ 1 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		2,634,732,585,597	2,267,633,647,956
I. Nợ ngắn hạn	310		2,133,630,931,056	1,818,696,711,591
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	274,859,790,743	198,967,217,140
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	26,989,866,814	12,753,882,180
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	22,115,208,516	36,880,926,693
4. Phải trả người lao động	314	V.18	75,325,369,705	102,021,990,107
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	31,828,307,390	8,787,501,328
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20	20,578,661,965	30,245,351,461
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a	1,597,331,202,397	1,333,672,541,156
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.22	43,100,000,000	43,100,000,000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.23	41,502,523,526	52,267,301,526
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		501,101,654,541	448,936,936,365
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b	489,443,291,556	438,485,251,553
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.24	11,658,362,985	10,451,684,812
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ 1 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2,188,584,347,271	2,089,329,312,131
I. Vốn chủ sở hữu	410		2,188,584,347,271	2,089,329,312,131
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.25	924,039,430,000	924,039,430,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		924,039,430,000	924,039,430,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.25	216,409,744,645	216,409,744,645
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(3,015,672,745)	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		1,836,975,823	97,965,256
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.25	1,037,627,022,279	936,410,386,828
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		936,410,386,828	613,852,104,651
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		101,216,635,451	322,558,282,177
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.26	11,686,847,269	12,371,785,402
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4,823,316,932,868	4,356,962,960,087

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 4 năm 2016



Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
 Người lập biểu

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
 Kế toán trưởng

Trương Thị Lệ Khanh
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VINH HOÀNĐịa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ I NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**BẢO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
QUÍ I NĂM 2016**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÍ I		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
			QUÍ I/2016	QUÍ I/2015	NĂM 2016	NĂM 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL.1	1,601,804,313,872	1,508,927,814,266	1,601,804,313,872	1,508,927,814,266
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL.2	963,444,600	4,495,232,929	963,444,600	4,495,232,929
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1,600,840,869,272	1,504,432,581,337	1,600,840,869,272	1,504,432,581,337
4. Giá vốn hàng bán	11	VL.3	1,362,829,966,818	1,316,650,655,761	1,362,829,966,818	1,316,650,655,761
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		238,010,902,454	187,781,925,576	238,010,902,454	187,781,925,576
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL.4	9,279,534,627	38,374,009,942	9,279,534,627	38,374,009,942
7. Chi phí tài chính	22	VL.5	30,158,355,601	16,184,543,813	30,158,355,601	16,184,543,813
Trong đó: chi phí lãi vay	23		9,781,573,274	11,719,215,140	9,781,573,274	11,719,215,140
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-	-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VL.6	63,852,110,057	53,403,378,679	63,852,110,057	53,403,378,679
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VL.7	30,056,931,687	30,011,850,471	30,056,931,687	30,011,850,471
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		123,223,039,736	126,556,162,555	123,223,039,736	126,556,162,555
12. Thu nhập khác	31	VL.8	5,679,234,664	1,032,080,789	5,679,234,664	1,032,080,789
13. Chi phí khác	32		1,812,777,977	967,503,254	1,812,777,977	967,503,254
14. Lợi nhuận khác	40		3,866,456,687	64,577,535	3,866,456,687	64,577,535
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		127,089,496,423	126,620,740,090	127,089,496,423	126,620,740,090
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VL.17	21,472,111,102	20,291,617,798	21,472,111,102	20,291,617,798
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VL.9	5,085,688,003	4,001,299,672	5,085,688,003	4,001,299,672



CÔNG TY CỔ PHẦN VINH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ I NĂM 2016

18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	100,531,697,318	102,327,822,620	100,531,697,318	102,327,822,602
19.	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	101,216,635,451	102,827,568,721	101,216,635,451	102,827,568,721
20.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	(684,938,133)	(499,746,101)	(684,938,133)	(499,746,101)
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1,096	1,113	1,096	1,113
22.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	1,096	1,113	1,096	1,113

Handwritten signature

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Người lập biểu

Handwritten signature

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Kế toán trưởng



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 4 năm 2016



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ I NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

QUÍ I NĂM 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			QUÍ I/2016	QUÍ I/2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		127,089,496,423	126,620,740,090
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		V.10, V.11, V.14	24,302,347,967	33,550,772,636
- Các khoản dự phòng	02	V.2, V.7, V.8	(14,352,713,000)	(4,379,140,800)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	03	VI.4, VI.5	1,483,798,374	2,142,990,869
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	04	VI.4, VI.5, VI.8	(1,111,090,043)	(22,400,565,393)
- Chi phí lãi vay	05	VI.5	9,781,573,274	11,719,215,140
- Các khoản điều chỉnh khác	06		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	07		147,193,412,995	147,254,012,542
- Tăng, giảm các khoản phải thu	08		11,957,246,733	140,038,273,774
- Tăng, giảm hàng tồn kho	09		47,938,214,261	(81,939,693,083)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	10		(59,079,035,794)	(253,168,655,132)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	11		(3,010,393,133)	(11,413,889,873)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	12		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.19, V.15	(9,781,573,274)	(11,587,594,132)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.17	(34,946,272,190)	(11,650,860,885)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	I.6, V.23	(10,764,778,000)	(7,878,838,018)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	17		89,506,821,598	(90,347,245,807)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10, V.11, V.12, VII	(103,480,354,370)	(37,543,634,007)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.10, V.11, VI.8	400,000,000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V. 2a	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V. 2a	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2b, V.II	(26,561,740,000)	1,576,310,376
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	5,213,358,198

7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6, V1.4	1,091,070,043	13,339,930,615
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(128,551,024,327)	(17,414,034,818)


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		
			Năm nay	Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(3,015,672,745)	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33	V.21	1,213,060,299,452	2,095,588,469,279
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34	V.21	(898,443,598,208)	(2,038,137,936,566)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.20, V.25	-	(1,204,125)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		311,601,028,499	57,449,328,588
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		272,556,825,770	(50,311,952,037)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	296,092,552,290	89,237,664,563
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	15,354,537
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	568,649,378,060	38,941,067,063

Đồng Tháp, ngày 21 tháng 4 năm 2016


 Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
 Người lập biểu


 Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
 Kế toán trưởng



 Trương Thị Lệ Khanh
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ I NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Quý I năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Nuôi trồng thủy sản nội địa; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Mua bán thủy hải sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy hải sản.

4. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 07 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

4a. Danh sách các công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích (%)		Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	Áp Tân An, xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.	Kinh doanh các mặt hàng lương thực	99,3	99,3	99,3	99,3
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3	Cụm công nghiệp Trường Xuân, ấp 4, xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.	Chưa hoạt động	100	100	100	100
Công ty TNHH một thành viên Vĩnh Hoàn Hậu Giang	Áp Mùa Xuân, xã Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	Chưa hoạt động	100	-	100	-
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen	Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	Chiết xuất và sản xuất gelatin, collagen	85	85	85	85
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	Áp Đông Hoà, xã Song Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	Kinh doanh mặt hàng thủy sản	100	100	100	100
Octogone Holdings Pte Ltd	No.3 Raffles Place#06-01 Bharat Building, Singapore 048617	Kinh doanh mặt hàng thủy sản và thực phẩm chức năng	100	100	100	100
Octogone (Guangzhou) Trading Co., Limited	No.537 Northern Panyu Boulevard,	Kinh doanh mặt hàng thủy sản và	100	100	100	100

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích (%)		Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Guangzhou City, Guangdong Province P.R. China	thực phẩm chức năng				

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tập đoàn đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Các quy định kế toán mới này không có ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu của Tập đoàn và Tập đoàn đã trình bày lại các số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày do vậy các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Các Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực kế toán, các thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Tập đoàn đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi Tập đoàn thoái một phần vốn tại công ty con:

- Nếu sau khi thoái vốn Tập đoàn vẫn giữ quyền kiểm soát: kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Nếu sau khi thoái vốn Tập đoàn mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành công ty liên doanh, liên kết: khoản đầu tư còn lại được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.
- Nếu sau khi thoái vốn Tập đoàn mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành khoản đầu tư thông thường: khoản đầu tư còn lại được trình bày theo giá trị ghi sổ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Tập đoàn và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng khi chuyển đổi Báo cáo tài chính của công ty con lập bằng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty mẹ như sau:

- Tài sản và lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con ở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá mua – bán bình quân của ngân hàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Nợ phải trả được quy đổi theo tỷ giá mua – bán bình quân của ngân hàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Giá trị tài sản thuần của công ty con do Công ty mẹ nắm giữ tại ngày mua được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ tại ngày mua.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày mua công ty con được quy đổi bằng cách tính toán theo các khoản mục doanh thu, chi phí của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Cổ tức đã trả được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả cổ tức.
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Nếu tỷ giá bình quân kỳ báo cáo xấp xỉ tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không quá 2%) thì áp dụng tỷ giá bình quân. Nếu biên độ giao động của tỷ giá giữa thời điểm đầu năm và cuối năm trên 20% thì áp dụng theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính của công ty con được phản ánh lũy kế trong phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc:

- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho Công ty mẹ được trình bày tại khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho cổ đông không kiểm soát được trình bày tại khoản mục “Lợi ích cổ đông không kiểm soát”.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh liên quan đến việc quy đổi khoản lợi thế thương mại chưa phân bổ hết tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính toán bộ cho Công ty mẹ và được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Chi phí thành lập

Chi phí thành lập bao gồm các chi phí phát sinh cho việc thành lập doanh nghiệp được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm kể từ khi Công ty con chính thức đi vào hoạt động.

Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động bao gồm các chi phí đào tạo, quảng cáo và khuyến mãi trước khi Công ty con chính thức hoạt động sản xuất kinh doanh. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm kể từ khi Công ty con bắt đầu đi vào hoạt động.

Công cụ, dụng cụ và chi phí khác tại vùng nuôi

Các công cụ, dụng cụ và chi phí khác tại vùng nuôi đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê đất

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phân đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí đào ao, xây dựng cồn

Chi phí đào ao, xây dựng cồn là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra để xây dựng hệ thống cồn và ao nuôi trồng thủy sản. Chi phí đào ao, xây dựng cồn được phân bổ từ 02 năm đến 09 năm.

Chi phí gia cố ao nuôi

Chi phí gia cố ao nuôi là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra để gia cố các công trình ao hồ nuôi trồng thủy sản. Chi phí san lấp mặt bằng được phân bổ từ 02 năm đến 03 năm.

Chi phí đền bù để được thuê đất

Chi phí được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 50 năm (theo thời gian thuê đất).

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 25

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 50 năm, Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

13. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Tập đoàn gồm dự phòng cho các hợp đồng có rủi ro lớn.

Khoản dự phòng cho các hợp đồng có rủi ro lớn được ghi nhận khi các lợi ích kinh tế dự tính thu được từ hợp đồng thấp hơn chi phí bắt buộc phải trả của cho các nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng.

Tăng, giảm số dư dự phòng cho các hợp đồng có rủi ro lớn cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	3.775.902.686	2.284.062.571
Tiền gửi ngân hàng	564.873.475.374	293.808.489.719
Cộng	<u>568.649.378.060</u>	<u>296.092.552.290</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) ⁽ⁱ⁾	1.297.729.978	-	1.297.729.978	-
Công ty cổ phần thủy sản Cửu Long ⁽ⁱⁱ⁾	44.811.740.000	-	18.250.000.000	(6.903.592.732)
Cộng	46.109.469.978	-	19.547.729.978	(6.903.592.732)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>685.822.200</i>	<i>631.302.336</i>
Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức	685.822.200	631.302.336
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>1.075.045.558.932</i>	<i>977.755.793.492</i>
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn USA	785.300.431.902	813.282.054.485
Các khách hàng khác	289.745.127.030	164.473.739.007
Cộng	1.075.731.381.132	978.387.095.828

Một số khoản phải thu khách hàng có giá trị là 194.775.000.000 VND đã được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>-</i>	<i>4.500.000.000</i>
Cá nhân có liên quan	-	4.500.000.000
<i>Trả trước cho người bán</i>	<i>199.704.802.907</i>	<i>154.650.345.667</i>
Ông Trần Văn Xuồng	15.664.600.000	14.528.132.200
Cty TNHH Cơ Nhiệt Á Châu	13.211.192.000	-
Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	-	26.174.510.000
Công ty TNHH thiết bị lạnh và cách nhiệt TST	-	21.656.811.691
Các nhà cung cấp khác	170.829.010.907	92.290.891.776
Cộng	199.704.802.907	159.150.345.667

5. Phải thu về cho vay dài hạn

Khoản cho vay cá nhân, thời hạn vay là 30 tháng.

6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>825.320.721</i>	<i>-</i>	<i>532.702.902</i>	<i>-</i>
Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức - tiền hàng ủy thác xuất khẩu	-	-	-	-
Hội đồng quản trị và Ban điều hành	825.320.721	-	532.702.902	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân</i>	<i>50.457.192.021</i>	<i>-</i>	<i>51.580.005.914</i>	<i>-</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>nhân khác</i>				
Tạm ứng ^(*)	43.925.928.407	-	43.660.226.847	-
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng			-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	6.531.263.614	-	7.919.779.067	-
Cộng	51.282.512.742	-	52.112.708.816	-

(*) Trong đó, khoản tạm ứng cho các cá nhân để mua đất tại các vùng nuôi với tổng số tiền là 23.808.553.934 VND. Hiện tại, các vùng nuôi này đang trong giai đoạn hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng nhưng đã đưa vào khai thác.

6b. Phải thu dài hạn khác

Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

7. Nợ xấu

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay
Số đầu năm	2.145.708.126
Trích lập dự phòng bổ sung	-
Số cuối năm	2.145.708.126

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	80.361.115.740	-	74.564.312.624	-
Công cụ, dụng cụ	9.027.144.171	-	8.154.634.679	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	808.067.052.431	-	795.921.774.926	-
Thành phẩm	406.483.966.777	(49.634.123.719)	476.134.366.927	(63.986.836.719)
Hàng hóa	684.263.208	-	964.785.087	-
Hàng gửi đi bán		-	8.000.965.141	-
Cộng	1.304.623.542.327	(49.634.123.719)	1.363.740.839.384	(63.986.836.719)

Một số hàng hóa trong kho có giá trị ghi sổ là 194.775.000.000 VND đã được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	63.986.836.719	55.038.519.478
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	(14.352.713.000)	8.948.317.241
Số cuối năm	49.634.123.719	63.986.836.719

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	3.751.835.319	3.821.314.147
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.229.052.764	619.936.723
Cộng	5.980.888.083	4.441.250.870

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ và chi phí khác vùng nuôi	29.009.465.603	37.148.030.647
Tiền thuê đất	4.550.103.132	5.018.299.213
Chi phí đền bù để được thuê đất	19.119.690.675	19.217.406.300
Chi phí thành lập, trước hoạt động	3.283.121.756	3.545.763.848
Chi phí đào ao, xây dựng cồn	21.889.454.932	22.391.312.738
Các chi phí trả trước dài hạn khác	22.910.211.050	11.970.478.482
Cộng	100.762.047.148	99.291.291.228

10. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định hữu hình khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	620.586.670.871	902.749.409.018	55.905.137.675	7.073.642.842	19.856.907.159	1.606.171.767.565
Mua trong năm	405.272.727	15.702.322.479	4.805.000.000	281.089.570	-	21.193.684.776
Đầu tư XD CB hoàn thành	6.516.905.148	2.617.808.208	-	-	-	9.134.713.356
Tăng do điều chỉnh	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.000.000.000)	-	-	-	(1.000.000.000)
Thoái vốn tại công ty con	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	627.508.848.746	920.069.539.705	60.710.137.675	7.354.732.412	19.856.907.159	1.635.500.165.697
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	-	-	-
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	200.536.384.736	429.487.219.843	17.903.679.140	3.958.604.557	11.734.552.725	663.620.441.001
Khấu hao trong năm	9.673.946.768	12.116.305.913	1.305.414.112	206.021.083	389.343.516	23.691.031.391
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Thoái vốn tại công ty con	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	210.210.331.504	441.603.525.756	19.209.093.252	4.164.625.640	12.123.896.241	687.311.472.392
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	420.050.286.135	473.262.189.175	38.001.458.535	3.115.038.285	8.122.354.434	942.551.326.564
Số cuối năm	417.298.517.242	478.466.013.949	41.501.044.423	3.190.106.772	7.733.010.918	948.188.693.305
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 452.441.310.296 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay các Ngân hàng.

11. Tài sản cố định vô hình

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	135.806.451.611	975.041.770	136.781.493.381
Mua trong năm	46.446.225.000		46.446.225.000
Phân loại lại			
Thanh lý, nhượng bán			
Số cuối năm	182.252.676.611	975.041.770	183.227.718.381
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	11.316.859.654	740.576.180	12.057.435.834
Khấu hao trong năm	590.919.716	21.124.860	611.316.576
Phân loại lại			
Thanh lý, nhượng bán			
Số cuối năm	11.907.051.370	761.701.040	12.668.752.410
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	124.489.591.957	234.465.590	124.724.057.547
Số cuối năm	170.345.625.241	213.340.730	170.558.965.971
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 56.012.785.498 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm tài sản cố định	177.933.504.569	19.405.428.182	(8.819.094.734)	-	188.519.838.017
Xây dựng cơ bản dở dang	67.694.334.036	32.865.480.322	(1.399.062.857)	(1.191.946.946)	85.377.244.555
<i>Chi phí cho các ao nuôi cá</i>	<i>7.821.117.471</i>	<i>4.239.377.774</i>	<i>(11.479.134.003)</i>	<i>(46.750.000)</i>	<i>534.611.242</i>
<i>Công trình nhà xưởng</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Công trình khác</i>	<i>59.873.216.565</i>	<i>28.626.102.548</i>	<i>(2.511.488.854)</i>	<i>(1.145.196.946)</i>	<i>84.842.633.313</i>
Cộng	245.627.838.605	52.270.908.504	(22.809.717.591)	(1.191.946.946)	273.897.082.572

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**13a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ (lãi nội bộ). Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	475.225.190	4.050.170.875

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(401.882.722)	(3.574.945.685)
Số cuối năm	73.342.468	475.225.190

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 15%.

14. Lợi thế thương mại

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Số đã phân bổ</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	94.477.274.225	13.384.280.516	81.092.993.709
Phân bổ trong năm		2.361.931.855	
Số cuối năm	94.477.274.225	15.746.212.371	78.731.061.854

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		-
Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức		-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	274.859.790.743	198.967.217.140
Ông Trần Minh Triết	11.824.291.040	38.386.331.070
Ông Nguyễn Hoàng Vũ	16.758.326.380	14.380.004.380
Các nhà cung cấp khác	246.277.173.323	146.200.881.690
Cộng	274.859.790.743	198.967.217.140

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng trong nước	11.229.903.373	4.404.808.827
Các khách hàng nước ngoài	15.759.963.441	8.349.073.353
Cộng	26.989.866.814	12.753.882.180

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>			<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Thoái vốn tại công ty con</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-		-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	191.596.352	440.226.000	440.226.000		-	191.596.352
Thuế xuất, nhập khẩu	-	774.236.467	951.203.547	383.316.298		-	206.349.218
Thuế thu nhập doanh nghiệp	32.291.805.081	-	21.472.111.102	34.946.272.190		18.817.643.993	-
Thuế thu nhập cá nhân	4.589.121.612	-	4.274.538.940	5.566.096.029		3.297.564.523	-
Thuế nhà đất	-	-	-	-		-	-
Các loại thuế khác	-	14.692	36.067.100	67.827.248		-	31.760.148
Cộng	36.880.926.693	965.847.511	27.174.146.689	41.403.737.765		22.115.208.516	429.705.718

18. Phải trả người lao động

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tiền lương phải trả người lao động.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	5.846.588.484	994.438.859
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	25.981.718.906	7.793.062.469
Cộng	<u>31.828.307.390</u>	<u>8.787.501.328</u>

20. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>224.465.788</i>	<i>4.460.986.800</i>
Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức	224.465.788	4.460.986.800
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>20.354.196.177</i>	<i>25.784.364.661</i>
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	85.492.750	85.492.750
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	20.268.703.427	25.698.871.911
Cộng	<u>20.578.661.965</u>	<u>30.245.351.461</u>

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**21a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.594.331.202.397	1.329.672.541.156
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp ⁽ⁱ⁾</i>	<i>109.507.782.000</i>	<i>5.100.000.000</i>
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾</i>	<i>1.466.074.170.897</i>	<i>525.373.392.031</i>
<i>Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ⁽ⁱⁱⁱ⁾</i>	<i>7.599.249.500</i>	<i>749.165.778.170</i>
<i>Ngân hàng phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp</i>		<i>28.083.370.955</i>
<i>Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh</i>	<i>11.150.000.000</i>	<i>21.950.000.000</i>
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)	3.000.000.000	4.000.000.000
Cộng	<u>1.597.331.202.397</u>	<u>1.333.672.541.156</u>

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng thế chấp một số tài sản cố định và quyền sử dụng đất tại phân xưởng bột, mỡ cá (xem thuyết minh V.10 và V.11).

(ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản cố định thuộc phân xưởng 1, phân xưởng 2 và phân xưởng 3 (xem thuyết minh V.10 và V.11).

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (iii) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các khoản phải thu và hàng tồn kho (xem thuyết minh V.3 và V.8).
- (iv) Khoản vay Ngân hàng phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định (xem thuyết minh V.10)
- (v) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.329.672.541.156	1.162.102.259.449	-	897.443.598.208	1.594.331.202.397
Vay dài hạn đến hạn trả	4.000.000.000	-	-	1.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	1.333.672.541.156	1.162.102.259.449	-	898.443.598.208	1.597.331.202.397

21b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để:

- Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ liên quan đến việc đầu tư máy móc thiết bị thuộc dự án mở rộng xưởng chế biến bột cá, mỡ cá. Lãi suất cho vay trong hai năm đầu kể từ ngày giải ngân bằng trần lãi suất cho vay hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp theo qui định tại Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 13/2014/TT-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2014 do bên cho vay công bố trong từng thời kỳ, thời gian còn lại bằng lãi suất tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi cuối kỳ do bên cho vay công bố + biên độ cố định 02%/năm nhưng không cao hơn trần lãi suất cho vay nói trên. Thời hạn vay là 84 tháng, thời gian ân hạn 18 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ tài sản là máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay và vốn tự có của dự án.
- Thanh toán hoặc bù đắp các chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp liên quan dự án đầu tư Nhà máy chế biến gạo xuất khẩu Vĩnh Hoàn 2. Lãi suất cho vay theo lãi suất tiết kiệm VND 12 tháng loại trả sau do bên cho vay công bố + biên độ cố định 3,6%/năm nhưng không cao hơn trần lãi suất cho vay áp dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn do bên cho vay công bố từng thời kỳ. Thời hạn vay là 120 tháng, thời gian ân hạn 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư Nhà máy chế biến gạo xuất khẩu Vĩnh Hoàn 2.
- Thanh toán hoặc bù đắp các chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp liên quan Dự án đầu tư Nhà máy sản xuất collagen, gelatin từ da cá tra. Lãi suất cho vay bằng lãi suất cơ sở + margin, nhưng không cao hơn trần lãi suất cho vay hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp theo qui định tại Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 13/2014/TT-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2014 do bên cho vay công bố trong từng thời kỳ. Thời hạn vay là 120 tháng, thời gian ân hạn 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư Nhà máy sản xuất collagen, gelatin từ da cá tra.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đầu tư xây dựng Nhà máy thủy sản Vạn đức Tiền Giang – giai đoạn 2 với lãi suất trong 2 năm đầu là 06%/năm, thời hạn vay 120 tháng, thời gian ân hạn nợ gốc là 18 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Nợ gốc được trả làm 34 kỳ theo lịch trả nợ (lịch trả nợ được ký vào ngày kết thúc thời gian ân hạn hoặc ngày giải ngân hết tổng số tiền cho vay). Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay và quyền sử dụng đất đặt tại dự án.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	438.485.251.553	63.546.765.919
Số tiền vay phát sinh	50.958.040.003	380.285.251.553
Số tiền vay đã trả	-	-
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	-	(5.346.765.919)
Số cuối năm	<u>489.443.291.556</u>	<u>438.485.251.553</u>

21c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

22. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng chi phí của vụ kiện chống bán phá giá tại Mỹ.

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	52.267.301.526	-	10.764.778.000	41.502.523.526
Quỹ phúc lợi	-	-	-	-
Cộng	<u>52.267.301.526</u>	<u>-</u>	<u>10.764.778.000</u>	<u>41.502.523.526</u>

24. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	10.451.684.812	7.757.146.557
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	1.206.678.173	2.694.538.255
Số cuối năm	<u>11.658.362.985</u>	<u>10.451.684.812</u>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 15% (năm trước thuế suất là 22%).

25. Vốn chủ sở hữu

25a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

25b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	92.403.943	92.403.943
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	92.403.943	92.403.943

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Cổ phiếu phổ thông	92.403.943	92.403.943
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	102.060	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	92.301.883	92.403.943
- Cổ phiếu phổ thông	92.301.883	92.403.943
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

26. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông không kiểm soát như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	12.371.785.402	16.843.744.960
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	(684.938.133)	(1.725.595.908)
Giảm do mua lại vốn cổ đông không kiểm soát	-	(2.746.363.650)
Số cuối năm	11.686.847.269	12.371.785.402

27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán*Ngoại tệ các loại*

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	24.759.734,24	12.814.557,33
Euro (EUR)	583,37	6.750,13
Nhân dân tệ Trung Quốc (CNY)	1.319.360,54	184.080,02
Yên Nhật (JPY)	32,524,00	32.887,00
Dollar Singapore (SGD)	2.813,00	2.813,00

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>QUÍ 1/2016</u>	<u>QUÍ 1/2015</u>
Doanh thu bán hàng hóa	60.458.809.486	71.690.960.751
Doanh thu bán thành phẩm	1.342.209.098.022	1.179.346.842.686
Doanh thu cung cấp dịch vụ	253.347.712	747.488.772
Doanh thu bán nguyên vật liệu	1.103.504.480	27.774.593.035
Doanh thu bán phụ phẩm	197.779.554.172	229.367.929.022
Cộng	1.601.804.313.872	1.508.927.814.266

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn chỉ phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức với số tiền : 49.856.741 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<u>QUÍ 1/2016</u>	<u>QUÍ 1/2015</u>
Hàng bán bị trả lại	959.673.000	3.678.749.149
Giảm giá hàng bán	3.771.600	816.483.780
Cộng	<u>963.444.600</u>	<u>4.495.232.929</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>QUÍ 1/2016</u>	<u>QUÍ 1/2015</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	21.484.531.860	63.004.071.097
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.172.886.770.333	929.150.344.655
Giá vốn của nguyên vật liệu	926.658.286	91.978.928.867
Giá vốn của phế phẩm	181.884.719.339	231.947.942.648
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(14.352.713.000)	569.368.494
Cộng	<u>1.362.829.966.818</u>	<u>1.316.650.655.761</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>QUÍ 1/2016</u>	<u>QUÍ 1/2015</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	12.702.334.284
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	25.110.165	28.575.989
Lãi tiền cho vay	70.753.364	61.990.548
Lãi ứng trước tiền mua nguyên liệu	1.020.316.679	1.144.269.354
Lãi bán hàng trả chậm	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	8.163.354.419	15.944.868.560
Lãi thoái vốn tại công ty con	-	8.491.971.207
Cộng	<u>9.279.534.627</u>	<u>38.374.009.942</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>QUÍ 1/2016</u>	<u>QUÍ 1/2015</u>
Chi phí lãi vay	9.781.573.274	11.719.215.140
Lỗ chênh lệch tỷ giá thực hiện	18.892.983.953	2.322.337.804
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.483.798.374	2.142.990.869
Cộng	<u>30.158.355.601</u>	<u>16.184.543.813</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>QUÍ 1/2016</u>	<u>QUÍ 1/2015</u>
Chi phí cho nhân viên	4.731.246.528	2.953.158.641
Chi phí dụng cụ, đồ dung, vật liệu, bao bì	163.614.490	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	214.637.463	39.816.829
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.725.128.609	22.819.074.053
Các chi phí khác	39.017.482.967	27.591.329.156
Cộng	<u>63.852.110.057</u>	<u>53.403.378.679</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>QUÍ 1/2016</u>	<u>QUÍ 1/2015</u>
Chi phí cho nhân viên	10.597.933.745	10.732.014.803
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.056.920.197	1.944.900.267
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.393.881.226	5.651.439.734
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	2.361.931.855	-
Thuế, phí và lệ phí	48.192.410	359.665.373
Các chi phí khác	8.598.072.254	11.323.830.294
Cộng	<u>30.056.931.687</u>	<u>30.011.850.471</u>

8. Thu nhập khác

	<u>QUÍ 1/2016</u>	<u>QUÍ 1/2015</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	400.000.000	-
Các khoản nợ không phải trả	3.416.680.210	2.428.894
Thu nhập khác	1.862.554.454	1.029.651.895
Cộng	<u>5.679.234.664</u>	<u>1.032.080.789</u>

9. Chi phí khác

	<u>QUÍ 1/2016</u>	<u>QUÍ 1/2015</u>
Giá trị còn lại nhượng bán tài sản cố định	380.000.000	-
Chi phí khác	1.432.777.977	967.503.254
Cộng	<u>1.812.777.977</u>	<u>967.503.254</u>

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>QUÍ 1/2016</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	101.216.635.451
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	101.216.635.451
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	92.369.175
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>1.096</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 50, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Hội đồng quản trị

	<u>QUÍ 1/2016</u>
Mua tài sản	45.263.380.500

Cá nhân có liên quan

	<u>QUÍ 1/2016</u>
Bán hàng hóa	6.690.633.000
Mua tài sản	4.500.000.000
Mua nguyên liệu	7.309.144.910

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.4 và V.6

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Tập đoàn chỉ có Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức là công ty do người có liên quan với Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty tham gia góp vốn.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Quý 1/2016</u>
Nhận ủy thác	249.906.898

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.


Công nợ với các bên liên quan khác


Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.6, V.15 và V.20.


Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 4 năm 2016




Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Người lập biểu


Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Kế toán trưởng


Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VINH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BAO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	924.039.430,000	216.409.744,645	-	4.596.414,898	724.868.688,147	1.869.914.277,690
Phát hành cổ phiếu bằng cổ tức	0	-	0	-	-	-
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	322.558.282,177	322.558.282,177
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	(20.012.814,000)	(20.012.814,000)
Trích quỹ trong năm	-	-	-	-	(92.403.943,000)	(92.403.943,000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-
Kết chuyển lại thối vốn Công ty con thành đầu tư khác đã ghi nhận các năm trước	-	-	-	-	(419.414,970)	(419.414,970)
Kết chuyển chênh lệch giá mua và tài sản thanh khi đầu tư thêm vốn Công ty con	-	-	-	-	(636.247,753)	(636.247,753)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do chuyển đổi báo cáo	-	-	-	97.965,256	-	97.965,256
Giảm chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do thối vốn công ty con	-	-	-	4.596.414,898	2.455.836,227	(2.140.578,671)
Số dư cuối năm trước	924.039.430,000	216.409.744,645	-	97.965,256	936.410.386,828	2.076.957,526,729
Số dư đầu năm nay	924.039.430,000	216.409.744,645	-	97.965,256	936.410.386,828	2.076.957,526,729
Phát hành cổ phiếu bằng cổ tức	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	101.216,635,451	101.216,635,451
Trích quỹ trong năm	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	(3.015,672,745)	(3.015,672,745)
Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi báo cáo công ty con	-	-	-	1.739,010,567	1.037,627,022,279	1.739,010,567
Số dư cuối năm nay	924.039.430,000	216.409.744,645	(3.015,672,745)	1.836,975,823	2.176,897,500,002	2.176,897,500,002

Đồng Tháp, ngày 21 tháng 4 năm 2016

(Signature)

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Người lập biểu

(Signature)

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Kế toán trưởng



(Signature)

Trần Thị Mỹ Khanh
Tổng Giám đốc